



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017  
*(được điều chỉnh lại)*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**  
**Kinh doanh/Doanh nghiệp số** 1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Thòn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mỹ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Phước Đức	Phó Chủ tịch (đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Tiến Tùng	Thành viên
Ông Võ Văn Á	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ám	Thành viên
Ông Phạm Thanh Thọ	Thành viên
Ông Trần Quốc Thanh	Thành viên (đến ngày 1 tháng 4 năm 2018)
Bà Thủy Vũ Dropsey	Thành viên (từ ngày 29 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Thòn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phước Đức	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26 tháng 2 năm 2017)

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Tiến Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thu Hiền	Phó Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)
Ông Phan Bá Ngọc Phương	Thành viên
Bà Võ Thị Thùy Tiên	Thành viên (đến ngày 3 tháng 5 năm 2018)
Ông Huỳnh Thanh Nhuận	Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2017)

**Trụ sở đăng ký**

Số 23, Đường Hà Hoàng Hồ  
Phường Mỹ Xuyên  
Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40 được phê duyệt vào ngày 28 tháng 6 năm 2018





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 55, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40 được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 28 tháng 6 năm 2018.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh


Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại trong đó mô tả việc Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 do phát hiện việc ghi nhận thiếu khoản chiết khấu thương mại và chi phí khuyến mãi theo một số chính sách bán hàng của năm 2017.

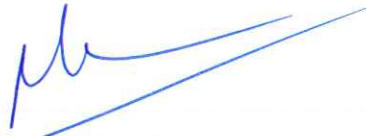
Trước đây, vào ngày 29 tháng 3 năm 2018, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán số: 17-01-618(C) về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018. Cho mục đích phát hành báo cáo kiểm toán này, trừ các thủ tục kiểm toán để đánh giá sự phù hợp của các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40 được hoàn thành vào ngày 28 tháng 6 năm 2018, chúng tôi không thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán bổ sung nào khác kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán trước đây là ngày 29 tháng 3 năm 2018.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-618(C)/2



  
Hà Vũ Định  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40, là ngày 28 tháng 6 năm 2018

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất được điều chỉnh lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.760.183.024.468</b>	<b>4.270.434.338.723</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>116.332.669.695</b>	<b>278.935.723.403</b>
Tiền	111		96.332.669.695	278.935.723.403
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>27.301.568.917</b>	<b>25.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	13(a)	27.301.568.917	25.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.381.391.754.574</b>	<b>1.733.262.752.136</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.295.917.546.041	1.721.567.399.228
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.903.670.341	61.689.194.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	215.778.493.468	101.678.865.652
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(176.207.955.276)	(151.672.706.832)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.148.495.714.628</b>	<b>2.170.130.746.170</b>
Hàng tồn kho	141		2.148.631.301.113	2.193.188.187.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(135.586.485)	(23.057.441.417)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>86.661.316.654</b>	<b>63.105.117.014</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	9.149.380.709	10.456.326.990
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.499.361.366	52.363.530.586
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	1.012.574.579	285.259.438
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.827.441.775.033</b>	<b>1.888.670.450.306</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.556.364.683.082</b>	<b>1.562.659.287.704</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.204.747.263.983	1.224.862.955.176
Nguyên giá	222		1.798.011.170.942	1.693.103.145.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(593.263.906.959)	(468.240.189.915)
Tài sản cố định vô hình	227	11	351.617.419.099	337.796.332.528
Nguyên giá	228		358.779.139.181	341.529.532.062
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.161.720.082)	(3.733.199.534)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>109.612.294.436</b>	<b>176.300.536.749</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	109.612.294.436	176.300.536.749

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất được điều chỉnh lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>33.185.650.000</b>	<b>202.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	13(b)	32.983.650.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>128.279.147.515</b>	<b>149.508.625.853</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	111.695.869.353	131.689.732.959
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	16.273.906.826	17.447.647.291
Lợi thế thương mại	269	16	309.371.336	371.245.603
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.587.624.799.501</b>	<b>6.159.104.789.029</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>4.276.015.703.947</b>	<b>3.983.092.975.788</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.015.658.475.934</b>	<b>3.857.391.295.142</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.401.430.094.970	1.545.244.521.352
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.746.429.594	43.290.512.554
		18(a),		
Thuế phải nộp Nhà nước	313	40	168.867.265.299	78.152.281.955
Phải trả người lao động	314	40	11.093.484.435	44.128.012.188
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19, 40	183.883.480.837	62.282.358.161
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	56.326.182.904	130.940.331.908
Vay ngắn hạn	320	21(a)	2.145.831.642.711	1.905.444.686.305
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	37.479.895.184	47.908.590.719
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>260.357.228.013</b>	<b>125.701.680.646</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.590.000.000	1.690.000.000
Vay dài hạn và trái phiếu phát hành	338	21(b)	220.000.000.000	73.721.650.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	38.767.228.013	50.290.030.646

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất được điều chỉnh lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	1/1/2017 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.311.609.095.554</b>	<b>2.176.011.813.241</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>2.311.609.095.554</b>	<b>2.176.011.813.241</b>
Vốn cổ phần	411	25	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		738.394.795	375.981.959
Quỹ đầu tư phát triển	418		759.424.612.054	685.861.374.028
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		174.238.330.361	179.556.267.456
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	40	402.702.062.750	334.859.555.015
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		334.859.555.015	282.317.345.691
- Chi trả cổ tức	421a		(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(144.961.800.532)	(93.002.407.702)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		414.287.758.267	347.028.067.026
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.821.195.594	25.674.134.783
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6.587.624.799.501</b>	<b>6.159.104.789.029</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40 là ngày 28 tháng 6 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Tân Hoàng  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	2016 VND (Đã phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	8.982.963.181.896	8.001.622.093.866
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	296.143.487.126	218.573.334.191
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	8.686.819.694.770	7.783.048.759.675
Giá vốn hàng bán	11	29	6.805.812.638.634	6.201.421.311.086
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.881.007.056.136	1.581.627.448.589
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	14.901.747.482	24.944.044.402
Chi phí tài chính	22	31	135.988.659.236	149.850.648.969
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		118.815.409.284	114.939.772.220
Chi phí bán hàng	25	32, 40	938.417.231.431	704.459.840.833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33, 40	311.146.910.793	316.064.070.960
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		510.356.002.158	436.196.932.229
Thu nhập khác	31	34	19.753.722.469	30.130.684.211
Chi phí khác	32		2.961.864.164	2.674.080.113
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		16.791.858.305	27.456.604.098
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	40	527.147.860.463	463.653.536.327
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36, 40	111.491.710.472	115.665.458.038
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	36	1.173.740.465	(755.162.302)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60	40	414.482.409.526	348.743.240.591

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	2016 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60	40	414.482.409.526	348.743.240.591
<b>Phân bổ:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	61		414.287.758.267	347.028.067.026
Cổ đông không kiểm soát	62		194.651.259	1.715.173.565
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37, 40	5.243	4.392

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40  
 là ngày 28 tháng 6 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tân Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
			(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>40</b>	<b>527.147.860.463</b>	<b>463.653.536.327</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		136.205.684.873	122.411.203.837
Các khoản dự phòng	03		(8.598.745.787)	38.763.692.651
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(797.035.559)	8.733.938.594
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		1.189.260.797	(14.216.711.852)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(3.966.439.767)	(3.324.779.075)
Chi phí lãi vay	06		118.815.409.284	114.939.772.220
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>40</b>	<b>769.995.994.304</b>	<b>730.960.652.702</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(696.898.308.391)	(159.114.156.015)
Biến động hàng tồn kho	10		44.556.886.474	502.234.977.801
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	40	(45.669.999.376)	227.752.122.955
Biến động chi phí trả trước	12		23.927.619.162	(2.303.108.235)
			<b>95.912.192.173</b>	<b>1.299.530.489.208</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(111.128.308.562)	(116.194.473.006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.106.674.048)	(8.927.128.592)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(88.534.132.630)	(114.122.976.759)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(162.856.923.067)</b>	<b>1.060.285.910.851</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(85.761.970.575)	(162.810.445.751)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		18.784.936.832	17.886.173.370
Tiền chi cho tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(82.301.568.917)	(214.000.000.000)
Tiền từ thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		80.000.000.000	189.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(32.983.650.000)	(162.000.000)
Tiền thu từ bán khoản đầu tư dài hạn			-	9.881.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.422.836.329	3.324.779.075
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(98.839.416.331)</b>	<b>(156.880.493.306)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	31		2.000.000.000	3.000.934.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		5.861.724.293.592	4.668.991.943.666
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.474.627.612.186)	(5.396.361.288.454)
Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu của Công ty	36		(289.188.903.500)	(89.398.395.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(1.201.317.963)	(1.182.392.893)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>98.706.459.943</b>	<b>(814.949.198.681)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

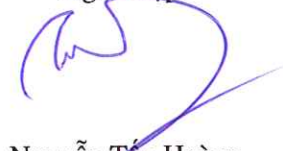
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(162.989.879.455)	88.456.218.864
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		278.935.723.403	190.191.854.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		24.412.911	344.504.678
Ảnh hưởng của quy đổi hoạt động ở nước ngoài	61		362.412.836	(56.854.663)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	116.332.669.695	278.935.723.403

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40 là ngày 28 tháng 6 năm 2018


Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 13 công ty con), chi tiết như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
<b>Công ty con</b>			
Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (*)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	76,51%
Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cám	60%	60%
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	60%	60%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	Kinh doanh thuốc trừ sâu	29,91%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 3.412 nhân viên (1/1/2017: 3.549 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 30 đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 2 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 10 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 7 năm 2004 và từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại khi mua lại công ty con là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng và dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các công trình xây dựng và dịch vụ tương tự.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu phát hành được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận sau thuế dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

**(r) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

**(s) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Lương thực – Gạo (bao gồm hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống cây trồng cho nông dân do mục đích phát triển nguồn nguyên vật liệu cho hoạt động kinh doanh lương thực)
- Hạt giống cây trồng
- Bao bì
- Xây dựng

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực – Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016	2017	2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	5.157.146.521.536	4.728.380.430.155	2.532.824.867.734	2.241.024.610.990	782.343.104.118	568.018.781.819	151.920.272.330	163.777.575.433	62.584.929.052	81.847.361.278	-	-	8.686.819.694.770	7.783.048.759.675
Doanh thu giữa các bộ phận	197.222.133.252	248.499.180.656	2.702.246.279.814	2.006.644.744.334	56.713.942.991	88.725.158.222	15.353.045.681	18.072.763.533	4.023.616.277	6.932.663.838	(2.975.559.018.015)	(2.368.874.510.583)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>5.354.368.654.788</b>	<b>4.976.879.610.811</b>	<b>5.235.071.147.548</b>	<b>4.247.669.355.324</b>	<b>839.057.047.109</b>	<b>656.743.940.041</b>	<b>167.273.318.011</b>	<b>181.850.338.966</b>	<b>66.608.545.329</b>	<b>88.780.025.116</b>	<b>(2.975.559.018.015)</b>	<b>(2.368.874.510.583)</b>	<b>8.686.819.694.770</b>	<b>7.783.048.759.675</b>
Lợi nhuận góp của bộ phận	1.540.001.247.050	1.381.238.910.044	120.135.673.007	75.854.949.875	174.627.548.099	78.679.606.928	29.242.265.633	31.503.268.934	14.370.022.778	12.999.843.806	2.630.299.569	1.350.869.002	1.881.007.056.136	1.581.627.448.589
Chi phí không phân bổ, thuần (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)													(1.370.651.053.978)	(1.179.716.130.361)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)													510.356.002.158	436.196.932.229
Thu nhập khác không phân bổ													19.753.722.469	30.130.684.211
Chi phí khác không phân bổ													(2.961.864.164)	(2.674.080.113)
Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)													(112.665.450.937)	(114.910.295.736)
Lợi nhuận thuần sau thuế (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)													414.482.409.526	548.743.240.591

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực - Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Hợp nhất	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	3.581.881.041.376	2.733.284.131.993	1.985.165.901.043	2.303.182.327.476	643.874.807.809	536.663.696.566	147.391.331.848	181.004.438.349	40.815.732.126	51.087.315.899	6.399.128.814.202	5.805.221.910.283
											188.495.985.299	353.882.878.746
<b>Tổng tài sản</b>											<b>6.587.624.799.501</b>	<b>6.159.104.789.029</b>
Nợ phải trả của bộ phận (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	1.027.127.243.827	966.471.951.945	355.645.317.928	486.053.922.958	147.868.450.020	103.217.116.580	27.554.773.715	50.159.474.131	13.545.482.876	22.229.924.724	1.571.741.268.366	1.628.132.390.338
Nợ phải trả không phân bổ											2.739.865.104.937	2.354.960.585.450
<b>Tổng nợ phải trả (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)</b>											<b>4.276.015.703.947</b>	<b>3.983.092.975.788</b>
Chi tiêu vốn	57.207.553.986	75.445.538.758	14.910.348.126	54.039.297.277	8.615.499.820	28.947.013.370	3.070.669.068	3.585.608.698	1.957.899.575	792.987.648	85.761.970.575	162.810.445.751
Khu hao tài sản cố định hữu hình	34.884.099.377	28.987.981.396	71.024.275.124	64.640.733.474	14.089.132.925	14.371.953.086	9.906.312.014	9.744.460.522	2.811.470.618	3.051.977.433	132.715.290.058	120.797.105.911
Khu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	988.523.548	1.186.367.055	2.331.715.240	257.574.844	108.281.760	108.281.760	-	-	61.874.267	61.874.267	3.490.394.815	1.614.097.926

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Doanh thu của Tập đoàn được phân chia theo khu vực địa lý (vị trí địa lý của khách hàng) như sau:

	Việt Nam		Châu Á (trừ Việt Nam)		Các khu vực khác		Hợp nhất	
	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND	2017 VND	2016 VND
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	7.579.504.845.429	7.002.275.251.141	1.020.588.915.925	701.756.650.125	86.725.933.416	79.016.858.409	8.686.819.694.770	7.783.048.759.675
Chi tiêu vốn không phân bổ							85.761.970.575	162.810.445.751
<b>Tài sản của bộ phận không phân bổ</b>							<b>6.587.624.799.501</b>	<b>6.159.104.789.029</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	22.751.312.483	13.861.235.896
Tiền gửi ngân hàng	73.477.849.212	265.074.487.507
Tiền đang chuyển	103.508.000	-
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	<b>116.332.669.695</b>	<b>278.935.723.403</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 8.451 triệu VND (1/1/2017: 49.585 triệu VND) được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
Phạm Duy Dương	19.954.036.477	3.832.997.460
Quan Yi Limited	15.524.429.439	-
Medalla Rice Mill	13.987.740.000	-
Nguyễn Văn Quang	11.819.031.210	4.800.059.400
Công ty TNHH TM-DV Kim Ngoan	11.529.805.260	9.725.180.670
Các khách hàng khác	2.223.102.503.655	1.703.209.161.698
	<b>2.295.917.546.041</b>	<b>1.721.567.399.228</b>

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (Đã phân loại lại)
Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng	98.101.045.899	3.635.123.680
Tạm ứng cho người lao động	48.051.486.159	44.978.894.879
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	8.872.911.819	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.308.454.530	946.943.908
Phải thu lãi tiền gửi	543.603.438	-
Phải thu khác	44.752.261.842	38.969.173.404
	<b>215.778.493.468</b>	<b>101.678.865.652</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2017				1/1/2017			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Nguyễn Minh Hùng	Trên 3 năm	11.231.443.002	(11.231.443.002)	-	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	9.602.557.225	(6.590.690.058)	3.011.867.167	Trên 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754
Đình Thị Phương	Trên 3 năm	9.318.582.005	(6.733.082.005)	2.585.500.000	Trên 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287
Công ty TNHH								
Thiên Thủy Dương	Trên 3 năm	7.149.945.350	(7.149.945.350)	-	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-
Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)	150.000.000	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.700.573.077	(6.700.573.077)	-	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-
Nguyễn Văn Thao	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000
Đỗ Thị Trinh	Trên 3 năm	4.186.341.351	(3.943.341.351)	243.000.000	Từ 2 đến 3 năm	4.186.341.351	(3.743.341.351)	443.000.000
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	3.890.358.320	(3.890.358.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
Nguyễn Văn Trung	Từ 2 đến 3 năm	4.565.176.319	(3.195.623.423)	1.369.552.896	Từ 1 đến 2 năm	5.265.176.319	-	5.265.176.319
Các khách hàng khác		288.125.173.359	(114.449.101.638)	173.676.071.721		210.860.345.568	(98.163.037.411)	112.697.308.157
		<b>357.663.947.060</b>	<b>(176.207.955.276)</b>	<b>181.455.991.784</b>		<b>285.420.541.373</b>	<b>(151.672.706.832)</b>	<b>133.747.834.541</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	151.672.706.832	114.549.076.758
Trích lập dự phòng trong năm	35.920.828.113	50.699.475.726
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(4.400.305)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(11.385.579.669)	(13.571.445.347)
	176.207.955.276	151.672.706.832
Số dư cuối năm	176.207.955.276	151.672.706.832

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang		-		-
đi đường	40.577.445.600	-	19.020.874.159	-
Nguyên vật liệu	472.708.936.696	-	638.468.759.890	(4.315.351.762)
Công cụ và dụng cụ	6.981.242.746	-	11.297.971.344	-
Sản phẩm dở dang	22.578.145.470	-	41.387.799.770	-
Thành phẩm	376.521.472.178	(135.586.485)	515.508.820.637	(18.742.089.655)
Hàng hóa	1.215.033.240.683	-	949.254.152.872	-
Hàng gửi đi bán	14.230.817.740	-	18.249.808.915	-
	2.148.631.301.113	(135.586.485)	2.193.188.187.587	(23.057.441.417)
	2.148.631.301.113	(135.586.485)	2.193.188.187.587	(23.057.441.417)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 304 triệu VND thành phẩm (1/1/2017: 291.572 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	23.057.441.417	11.299.400.663
Trích lập dự phòng trong năm	134.028.485	20.941.045.047
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(23.055.883.417)	(9.183.004.293)
	135.586.485	23.057.441.417
Số dư cuối năm	135.586.485	23.057.441.417



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	709.431.548.598	674.914.758.400	286.397.075.203	22.359.762.890	1.693.103.145.091
Tăng trong năm	982.686.427	12.094.054.624	9.858.658.611	76.357.433	23.011.757.095
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	58.840.675.724	25.089.499.075	10.452.522.139	5.059.462.361	99.442.159.299
Thanh lý	(5.257.751.950)	(5.161.304.824)	(7.126.833.769)	-	(17.545.890.543)
Số dư cuối năm	763.997.158.799	706.937.007.275	299.581.422.184	27.495.582.684	1.798.011.170.942
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	123.388.202.985	196.768.543.520	134.833.493.117	13.249.950.293	468.240.189.915
Khấu hao trong năm	36.222.199.798	63.591.883.814	30.427.360.256	2.473.846.190	132.715.290.058
Thanh lý	-	(1.663.343.860)	(6.028.229.154)	-	(7.691.573.014)
Số dư cuối năm	159.610.402.783	258.697.083.474	159.232.624.219	15.723.796.483	593.263.906.959
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	586.043.345.613	478.146.214.880	151.563.582.086	9.109.812.597	1.224.862.955.176
Số dư cuối năm	604.386.756.016	448.239.923.801	140.348.797.965	11.771.786.201	1.204.747.263.983

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 100.394 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 89.139 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 708.279 triệu VND được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (1/1/2017: 767.706 triệu VND) (Thuyết minh 21(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	330.903.094.258	10.626.437.804	341.529.532.062
Tăng trong năm	-	81.900.000	81.900.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.213.984.558	4.868.914.500	20.082.899.058
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	7.204.688.161	-	7.204.688.161
Thanh lý	(10.119.880.100)	-	(10.119.880.100)
Phân loại lại	3.955.481.818	(3.955.481.818)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>347.157.368.695</b>	<b>11.621.770.486</b>	<b>358.779.139.181</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	504.619.263	3.228.580.271	3.733.199.534
Khấu hao trong năm	2.404.294.931	1.024.225.617	3.428.520.548
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.908.914.194</b>	<b>4.252.805.888</b>	<b>7.161.720.082</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	330.398.474.995	7.397.857.533	337.796.332.528
Số dư cuối năm	344.248.454.501	7.368.964.598	351.617.419.099

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.911 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.407 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 các tài sản cố định vô hình có giá trị sổ sách là 24.810 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	176.300.536.749	203.185.750.236
Tăng trong năm	62.668.313.480	96.745.479.342
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(99.442.159.299)	(61.834.441.714)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(20.082.899.058)	(2.597.582.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(9.831.497.436)	(58.735.071.898)
Thanh lý	-	(463.597.217)
	109.612.294.436	176.300.536.749
	109.612.294.436	176.300.536.749

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy sản xuất gạo	54.176.704.507	54.741.441.970
Nhà máy thuốc Châu Thành	13.461.274.712	32.203.272.958
Nhà máy sản xuất phân bón Ân Thịnh Điền	2.592.735.754	30.131.002.149
Hệ thống máy ủ hạt giống	18.211.925.120	17.560.236.232
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	646.294.486	7.505.705.402
Nâng cấp các trại sản xuất giống	4.149.040.698	5.734.259.266
Các dự án khác	16.374.319.159	28.424.618.772
	109.612.294.436	176.300.536.749
	109.612.294.436	176.300.536.749

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 54.176 triệu VND (1/1/2017: 54.741 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

**13. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8,7% đến 9% (1/1/2017: từ 8,7% đến 9%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	% sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b> Công ty Cổ phần Lion Agrevo	29,91%	32.983.650.000	(*)

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh 29,91% cổ phần của Công ty Cổ phần Lion Agrevo được Tập đoàn mua vào ngày 28 tháng 8 năm 2017.

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phí bảo hiểm trả trước	475.060.866	1.474.289.643
Chi phí thuê hoạt động trả trước	2.610.068.141	3.732.310.510
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.064.251.702	5.249.726.837
	<b>9.149.380.709</b>	<b>10.456.326.990</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	65.650.670.006	66.039.062.953	131.689.732.959
Tăng trong năm	2.261.439.070	26.656.884.078	28.918.323.148
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.831.497.436	9.831.497.436
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(7.204.688.161)	-	(7.204.688.161)
Phân bổ trong năm	(4.123.989.538)	(47.415.006.491)	(51.538.996.029)
Số dư cuối năm	<b>56.583.431.377</b>	<b>55.112.437.976</b>	<b>111.695.869.353</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20%	7.120.894.507	6.831.871.097
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	7.719.822.269	9.439.344.821
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	1.433.190.050	873.949.823
Phải trả ngắn hạn khác	20%	-	302.481.550
		<b>16.273.906.826</b>	<b>17.447.647.291</b>

**16. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm/cuối năm	10.618.742.671
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	10.247.497.068
Khấu hao trong năm	61.874.267
Số dư cuối năm	10.309.371.335
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	371.245.603
Số dư cuối năm	309.371.336

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	1.109.023.140.120	1.254.803.250.645
Công ty Cổ phần Long Hiệp	51.078.200.250	13.292.664.000
Eastchem Co., Ltd	48.266.758.030	66.643.444.780
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	45.905.075.000	66.246.150.000
Công ty TNHH UPL Việt Nam	23.174.000.220	36.730.284.150
Các nhà cung cấp khác	123.982.921.350	107.528.727.777
	<hr/>	<hr/>
	<b>1.401.430.094.970</b>	<b>1.545.244.521.352</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số được hoàn trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2017 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)
Thuế giá trị gia tăng	13.182.243.083	633.478.739.178	(482.417.662.523)	-	(121.528.610.154)	-	42.714.709.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	57.782.240.280	111.491.710.472	-	-	(59.106.674.048)	-	110.167.276.704
Thuế thu nhập cá nhân	7.085.521.249	37.649.245.878	(13.033.847)	3.446.032.889	(33.770.462.599)	7.098.385	14.404.401.955
Các loại thuế khác	102.277.343	20.275.161.798	-	-	(19.516.778.841)	720.216.756	1.580.877.056
	78.152.281.955	802.894.857.326	(482.430.696.370)	3.446.032.889	(233.922.525.642)	727.315.141	168.867.265.299

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	282.834.126	7.098.385	289.932.511
Thuế xuất nhập khẩu	2.425.312	720.216.756	722.642.068
	285.259.438	727.315.141	1.012.574.579

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
	<b>(Được điều chỉnh lại</b> <b>– Thuyết minh 40)</b>	
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	160.864.639.300	52.085.789.616
Chi phí lãi vay	10.690.148.233	3.003.047.511
Hoa hồng môi giới	6.063.363.100	-
Phí phân phối nhượng quyền thương mại	2.988.616.200	990.593.756
Chi phí hội nghị khách hàng	572.500.000	4.936.307.500
Chi phí phải trả khác	2.704.214.004	1.266.619.778
	<b>183.883.480.837</b>	<b>62.282.358.161</b>

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Cổ tức phải trả của Công ty	25.548.521.500	113.253.975.000
Cổ tức phải trả của một công ty con	-	11.880.963
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	12.189.499.087	5.307.763.083
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	2.577.410.667	2.210.350.006
Phải trả ngắn hạn khác	16.010.751.650	10.156.362.856
	<b>56.326.182.904</b>	<b>130.940.331.908</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn**

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017	Biến động trong năm		31/12/2017
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.602.710.086.305	5.641.724.293.592	(5.171.830.237.186)	2.072.254.142.711
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	302.734.600.000	73.577.500.000	(302.734.600.000)	73.577.500.000
	1.905.444.686.305	5.715.301.793.592	(5.474.564.837.186)	2.145.831.642.711

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

**Bên cho vay**

	Thuyết minh	Loại tiền	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	193.695.074.498	148.108.653.202
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	163.155.986.045	92.343.409.950
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	147.940.410.286	24.458.401.800
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	275.056.743.794	129.408.819.652
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(v)	VND	335.104.142.931	159.934.018.592
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	235.433.811.896	93.670.367.500
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(vii)	USD	227.000.000.000	478.002.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(viii)	VND	317.810.194.837	442.138.234.400
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(ix)	VND	52.589.299.030	-
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	VND	124.278.479.394	14.025.904.380
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(x)	USD	-	16.913.076.480
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang		VND	-	3.517.200.349
Quỹ Công đoàn		VND	190.000.000	190.000.000
			<b>2.072.254.142.711</b>	<b>1.602.710.086.305</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 4,8% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,0%).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm là 4,6% (1/1/2017: 4,9%).
- (iii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 30 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 4,0% (1/1/2017: từ 4,5% đến 5,6%).
- (iv) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 550 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,3% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (v) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 1.000 tỷ VND và chịu lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 500 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 4,8% (1/1/2017: từ 4,8% đến 5,0%).
- (vii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 14 triệu USD và chịu lãi suất năm là 2,5% (1/1/2017: từ 2,0% đến 2,3%).
- (viii) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 600 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,1% (1/1/2017: từ 4,6% đến 5,0%).
- (ix) Khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 100 tỷ VND và chịu lãi suất năm là 5,1%.
- (x) Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND và chịu lãi suất năm từ 5,1% đến 5,5% cho khoản vay bằng VND (1/1/2017: từ 4,7% đến 4,9% cho khoản vay bằng VND và 2,0% cho khoản vay bằng USD).

**(b) Vay dài hạn và trái phiếu phát hành**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn (i)	73.577.500.000	376.456.250.000
Trái phiếu thường (ii)	220.000.000.000	-
	293.577.500.000	376.456.250.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(73.577.500.000)	(302.734.600.000)
	220.000.000.000	73.721.650.000
	220.000.000.000	73.721.650.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) **Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:**

Bên cho vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited (*) Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	USD	2018	4,5% – 4,8%	52.777.500.000	355.656.250.000
	VND	2018	8,2%	20.800.000.000	20.800.000.000
				73.577.500.000	376.456.250.000

(\*) Khoản vay này có hạn mức là 34 triệu USD, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty với giá trị ghi sổ là 8.451 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 49.585 triệu VND) (Thuyết minh 5) và động sản với giá trị ghi sổ là 384.953 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 429.339 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

(\*\*) Khoản vay này có hạn mức là 20,8 tỷ VND, được bảo đảm bằng tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Công ty cùng với khoản vay (\*) nêu trên và bất động sản với giá trị ghi sổ là 372.603 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 388.208 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở khoản vay (\*).

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Điều khoản và điều kiện của trái phiếu phát hành theo mệnh giá**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Trái phiếu được phát hành cho</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	2019	140.000.000.000	-
Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VND	2019	72.000.000.000	-
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)	VND	2019	8.000.000.000	-
			220.000.000.000	-

Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Thuyết minh 11). Các trái phiếu này chịu lãi suất năm 8,2% cho năm đầu tiên và lãi suất huy động biên của ngân hàng cộng 2,5% cho các năm tiếp theo. Tiền lãi được trả theo kỳ 6 tháng.

**22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Số dư đầu năm	47.908.590.719	84.567.293.971
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 24)	52.376.658.000	48.782.580.420
Sử dụng quỹ trong năm	(62.805.353.535)	(85.441.283.672)
Số dư cuối năm	37.479.895.184	47.908.590.719

**23. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	<b>Bảo hành xây dựng và xây lắp VND</b>	<b>Trợ cấp thôi việc VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	3.093.306.540	47.196.724.106	50.290.030.646
Sử dụng dự phòng trong năm	(198.770.115)	(1.111.893.219)	(1.310.663.334)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.726.419.754)	(7.485.719.545)	(10.212.139.299)
Số dư cuối năm	168.116.671	38.599.111.342	38.767.228.013

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	432.836.622	671.211.802.746	178.667.704.543	282.317.345.691	22.147.464.218	2.104.461.653.820
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	3.000.934.000	3.000.934.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	347.028.067.026	1.715.173.565	348.743.240.591
Trích lập các quỹ	-	-	-	40.627.897.904	29.570.256.000	(70.198.153.904)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(48.782.580.420)	-	(48.782.580.420)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	(56.854.663)	-	-	-	-	(56.854.663)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.189.437.000)	(202.672.887.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(28.681.693.087)	-	-	(28.681.693.087)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(25.978.326.622)	-	25.978.326.622	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	375.981.959	685.861.374.028	179.556.267.456	334.859.555.015	25.674.134.783	2.176.011.813.241



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng VND
						(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	375.981.959	685.861.374.028	179.556.267.456	334.859.555.015	25.674.134.783	2.176.011.813.241
Cổ đồng không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm (được điều chỉnh lại – Thuyết minh 40)	-	-	-	-	-	414.287.758.267	194.651.259	414.482.409.526
Trích lập các quỹ	-	-	-	73.563.238.026	20.410.842.000	(92.744.947.348)	(1.229.132.678)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(52.216.853.184)	(159.804.816)	(52.376.658.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	362.412.836	-	-	-	-	362.412.836
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.658.652.954)	(203.142.102.954)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(25.728.779.095)	-	-	(25.728.779.095)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	738.394.795	759.424.612.054	174.238.330.361	402.702.062.750	24.821.195.594	2.311.609.095.554

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của Marina Viet Pte. Ltd.	16.930.986	169.309.860.000	16.930.986	169.309.860.000
Vốn cổ phần của Standard Chartered Singapore	5.493.904	54.939.040.000	5.493.904	54.939.040.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	28.514.660	285.146.600.000	28.514.660	285.146.600.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**26. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 28 tháng 4 năm 2017 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016 là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu (2016: 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	8.289.893.489	4.229.849.838
Trong vòng 2 đến 5 năm	11.061.142.875	6.293.884.601
Sau 5 năm	50.244.847.200	12.708.342.594
	69.595.883.564	23.232.077.033

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	697.295	15.828.608.758	2.408.030	54.531.876.643
▪ EUR	145	3.922.093	145	3.467.370
		15.832.530.851		54.535.344.013

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.247.877.065	19.706.528.446



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	5.410.184.597.386	4.866.550.126.814
▪ Lương thực – Gạo	2.536.236.583.384	2.258.184.590.499
▪ Hạt giống cây trồng	812.182.214.973	629.574.845.101
▪ Bao bì	151.943.069.330	163.777.575.433
▪ Xây dựng	62.584.929.052	82.118.084.674
▪ Khác	9.831.787.771	1.416.871.345
	8.982.963.181.896	8.001.622.093.866
 <b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Chiết khấu thương mại	(282.189.412.215)	(124.054.087.414)
▪ Hàng bán bị trả lại	(13.947.324.911)	(94.519.246.777)
▪ Giảm giá hàng bán	(6.750.000)	-
	(296.143.487.126)	(218.573.334.191)
 <b>Doanh thu thuần</b>	8.686.819.694.770	7.783.048.759.675

**29. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng giá vốn hàng bán của</b>		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.615.068.366.019	3.349.127.621.681
▪ Lương thực – Gạo	2.403.696.638.016	2.164.017.740.644
▪ Hạt giống cây trồng	606.919.018.582	488.515.817.897
▪ Bao bì	122.500.980.635	132.737.884.124
▪ Xây dựng	50.049.191.619	66.561.030.529
▪ Khác	7.578.443.763	461.216.211
	6.805.812.638.634	6.201.421.311.086

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	3.966.439.767	1.524.779.075
Cổ tức	-	1.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.974.935.284	21.251.842.525
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	797.035.559	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	163.336.872	367.422.802
	14.901.747.482	24.944.044.402

**31. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	118.815.409.284	114.939.772.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	10.898.778.462	18.051.560.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	8.733.938.594
Chiết khấu thanh toán	279.578.618	387.343.601
Chi phí tài chính khác	5.994.892.872	7.738.033.857
	135.988.659.236	149.850.648.969

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2017</b> <b>VND</b> <b>(Được điều chỉnh lại</b> <b>- Thuyết minh 40)</b>	<b>2016</b> <b>VND</b> <b>(Đã phân loại lại)</b>
Chi phí cho nhân viên	272.175.227.055	293.545.500.175
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	377.607.977.556	180.339.523.512
Chi phí hội nghị khách hàng	78.249.426.301	36.583.014.404
Chi phí vận chuyển	51.174.554.683	45.392.923.971
Chi phí xuất khẩu	24.166.209.864	17.623.950.731
Công tác phí	43.517.786.986	31.777.351.976
Chi phí vật liệu bao bì	32.133.174.763	35.847.378.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.815.294.516	35.922.654.598
Khấu hao và phân bổ	14.159.347.020	14.120.206.482
Chi phí khác	16.418.232.687	13.307.336.237
	938.417.231.431	704.459.840.833

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
	<b>(Được điều chỉnh lại</b>	<b>(Đã phân loại lại)</b>
	<b>– Thuyết minh 40)</b>	
Chi phí cho nhân viên	166.039.919.737	143.375.562.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.553.894.148	32.753.170.070
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	24.535.248.444	37.128.030.379
Khấu hao và phân bổ	22.937.499.822	19.882.463.788
Chi phí giao tế	20.803.259.682	21.712.164.363
Công tác phí	13.027.305.256	12.160.240.958
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.873.635.077	6.737.272.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.512.715.747	9.300.908.888
Chi phí khác	25.863.432.880	33.014.258.494
	<hr/>	
	311.146.910.793	316.064.070.960
	<hr/>	

**34. Thu nhập khác**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
Hỗ trợ từ các đối tác	13.209.249.982	9.240.973.257
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	-	14.302.109.091
Thu nhập từ khuyến mãi bán hàng và hỗ trợ bán hàng	2.477.000	640.769.616
Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây dựng và xây lắp	2.726.419.754	628.779.940
Thu nhập khác	3.815.575.733	5.318.052.307
	<hr/>	
	19.753.722.469	30.130.684.211
	<hr/>	

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
	<b>(Được điều chỉnh lại</b>	
	<b>– Thuyết minh 40)</b>	
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.651.077.385.958	5.492.262.145.553
Chi phí nhân công và nhân viên	615.353.652.309	548.942.353.961
Chi phí khấu hao và phân bổ	136.205.684.873	122.411.203.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.791.467.765	425.921.001.216
Chi phí khác	313.588.570.455	232.287.359.955
	<hr/>	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2017</b> <b>VND</b> <b>(Được điều chỉnh lại</b> <b>– Thuyết minh 40)</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b> Năm hiện tại	111.491.710.472	115.665.458.038
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b> Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.173.740.465	(755.162.302)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	112.665.450.937	114.910.295.736

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b> <b>VND</b> <b>(Được điều chỉnh</b> <b>lại</b> <b>– Thuyết minh 40)</b>	<b>2016</b> <b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	527.147.860.463	463.653.536.327
<b>Thuế tính theo thuế suất của Công ty</b>	105.429.572.092	92.730.707.265
<b>Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng</b> <b>cho các công ty con</b>	3.245.831.166	4.354.298.048
<b>Chi phí không được khấu trừ thuế</b>	1.721.746.348	6.655.458.936
<b>Thu nhập không bị tính thuế</b>	(547.112.496)	(360.000.000)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận</b>	5.506.303.229	11.856.705.718
<b>Sử dụng lợi ích của lỗ tính thuế chưa được ghi nhận</b> <b>tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	(2.690.889.402)	(326.874.231)
	112.665.450.937	114.910.295.736

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật Thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Công văn số 6333/BTC-TCT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty TNHH Một Thành Viên mới thành lập của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư nếu thực tế đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. Theo đó, thuế suất áp dụng đối với các công ty TNHH Một Thành Viên như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng và Công ty TNHH Một Thành Viên Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu hoạt động theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (“Nghị định 124”) của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu các công ty con này không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong 3 năm liên tiếp từ năm đầu tiên các công ty con có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 15 năm theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 124 của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong năm.

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm.
- Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang, Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền, Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời, Công ty Cổ Phần Lộc Trời Miền Bắc và Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 67.161.150 cổ phiếu (2016: 67.161.150 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>(Được điều chỉnh lại</b>	
	<b>– Thuyết minh 40)</b>	
Lợi nhuận thuần trong năm	414.287.758.267	347.028.067.026
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	62.143.163.740	52.054.210.054
	352.144.594.527	294.973.856.972
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	352.144.594.527	294.973.856.972

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 15% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	67.161.150	67.161.150

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tang nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	14.840.720.000	22.687.877.600
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao	4.697.471.967	5.465.355.341



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi phải thu	543.603.438	-

**40. Điều chỉnh số liệu báo cáo trước đây**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất ngày 29 tháng 3 năm 2018, Tập đoàn thực hiện việc quyết toán và chi trả cho các đại lý liên quan đến các chính sách bán hàng của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đã phát hiện việc ghi nhận thiếu khoản chiết khấu thương mại và chi phí khuyến mãi theo một số chính sách bán hàng của năm 2017 trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, quỹ lương cho người lao động được tính theo chính sách đã được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã bị ghi nhận thừa. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh lại một số khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Mã số	31/12/2017 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	31/12/2017 VND (được điều chỉnh lại)
Thuế phải nộp Nhà nước	313	176.776.302.934	(7.909.037.635)	168.867.265.299
Phải trả người lao động	314	38.775.116.156	(27.681.631.721)	11.093.484.435
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	116.656.660.944	67.226.819.893	183.883.480.837
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	434.338.213.287	(31.636.150.537)	402.702.062.750

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Mã số	2017 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	2017 VND (được điều chỉnh lại)
Chi phí bán hàng	25	889.316.226.606	49.101.004.825	938.417.231.431
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	320.702.727.446	(9.555.816.653)	311.146.910.793
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	566.693.048.635	(39.545.188.172)	527.147.860.463
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	119.400.748.107	(7.909.037.635)	111.491.710.472
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	446.118.560.063	(31.636.150.537)	414.482.409.526
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.644	(401)	5.243

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Mã số	2017 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	2017 VND (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	566.693.048.635	(39.545.188.172)	527.147.860.463
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	809.541.182.476	(39.545.188.172)	769.995.994.304
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(85.215.187.548)	39.545.188.172	(45.669.999.376)

**41. Số liệu so sánh**

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Mã số	1/1/2017 VND (đã phân loại lại)	1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.721.567.399.228	1.693.704.929.730
Phải thu ngắn hạn khác	136	101.678.865.652	129.541.335.150

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh lại cho năm kết thúc ngày 31**  
**tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Mã số	2016 VND (đã phân loại lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	11	6.201.421.311.086	6.167.135.697.085
Chi phí bán hàng	25	704.459.840.833	627.866.999.550
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	316.064.070.960	426.942.526.244

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 40  
 là ngày 28 tháng 6 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Tân Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc